

BẢNG TÍNH SỐ LIỆU TIỀN NƯỚC KTX NHÀ K2 NĂM 2015

Tháng 8 năm 2015

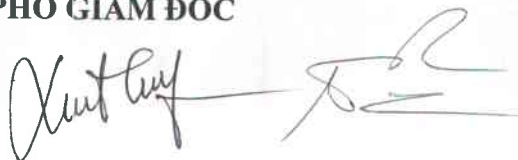
không có sinh viên ở tháng này

Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (11.500*10%)	Thành tiền	Ghi chú
101	8	982	983	1	12.650	12.650	
102	8	542	548	6	12.650	75.900	
103	8	678	681	3	12.650	37.950	
104	7	420	423	3	12.650	37.950	
105	Phòng trực	803			12.650	0	
106	8	708	722	14	12.650	177.100	
107	PSHC	649			12.650	0	
108					12.650	0	
109	8	460	462	2	12.650	25.300	
110	6	497	506	9	12.650	113.850	
111	8	622			12.650	0	
112	7	443	444	1	12.650	12.650	
113	8	443	443	0	12.650	0	
114	8	337	340	3	12.650	37.950	
201	8	1.098	1107	9	12.650	113.850	
202	8	936	937	1	12.650	12.650	
203	8	799	803	4	12.650	50.600	
204	8	801	813	12	12.650	151.800	
205	8	699	699	0	12.650	0	
206	8	688	689	1	12.650	12.650	
207	8	696	700	4	12.650	50.600	
208	7	716	718	2	12.650	25.300	
209	6	581	581	0	12.650	0	
210	5	462	462	0	12.650	0	
211	8	613	614	1	12.650	12.650	
212	8	529			12.650	0	
213	0	615	616	1	12.650	12.650	
214	8	656	662	6	12.650	75.900	
301	8	654	656	2	12.650	25.300	
302	7	571	573	2	12.650	25.300	
303	8	580	584	4	12.650	50.600	
304	8	566	569	3	12.650	37.950	
305	8	551	555	4	12.650	50.600	
306	8	584	589	5	12.650	63.250	
307	PSHC			0	12.650	0	
308				0	12.650	0	
309	8	512	512	0	12.650	0	
310	8	496	498	2	12.650	25.300	

311	7	499	499	0	12.650	0
312	8	545	545	0	12.650	0
313	6	600	600	0	12.650	0
314	8	532	538	6	12.650	75.900
401	8	534	537	3	12.650	37.950
402	8	431	435	4	12.650	50.600
403	8	435	437	2	12.650	25.300
404	6	384	388	4	12.650	50.600
405	8	350	402	52	12.650	657.800
406	8	440	442	2	12.650	25.300
407	5	498	505	7	12.650	88.550
408	8	704	706	2	12.650	25.300
409	7	394	394	0	12.650	0
410	7	543	543	0	12.650	0
411	8	410	410	0	12.650	0
412	8	409	412	3	12.650	37.950
413	8	457			12.650	0
414	8	491	491	0	12.650	0
501	8	280	283	3	12.650	37.950
502	8	402	406	4	12.650	50.600
503	7	404	660	166	12.650	2.099.900
504	5	422	422	0	12.650	0
505	8	463	464	1	12.650	12.650
506	0	309	309	0	12.650	0
507	8	470	470	0	12.650	0
508	7	403	403	0	12.650	0
509	8	395	395	0	12.650	0
510	8	361	362	1	12.650	12.650
511	8	225	231	6	12.650	75.900
512	0	317	322	5	12.650	63.250
513	0	266	268	2	12.650	25.300
514	8	237	239	2	12.650	25.300
Cộng	462			380		4.807.000

(Bảng chữ: Bốn triệu tám trăm linh bảy nghìn đồng chẵn)

PHÒNG QUẢN TRỊ PV TT DV TỔNG HỢP TỔ KÝ TÚC XÁ NGƯỜI ĐỌC SỐ NGƯỜI LẬP
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG PHÓ GIÁM ĐỐC



ThS. Ngô Xuân Hoà ThS. Lê Xuân Hưng Trần Xuân Nam Dương Văn Thanh Trần Thị Hà